

ST T	Họ và Tên	Mức 6000		Lớp ghép 6149		Mức 6100										Thâm niên			Nghỉ hưởng BHXH		Các khoản thu			Truy thu	Tổng lĩnh
		Hệ số	Số tiền	Hệ số	Số tiền	Chức vụ		Khu vực	Phụ cấp khác		Vượt khung		Pc ưu đãi 70%	Độc hại số q. tế	Biên giới	%	Số tiền	Tổng lương	Số ngày	Số tiền	1% BHYT	1,5% BHYT	8%BHXH		
						Hệ số	Số tiền		Hệ số	Số tiền	Hệ số	Số tiền													
1	Mạc Thị Sâm	5,02	9 036 000			0,40	720 000	900 000				-	6 829 200		2 926 800	23%	2 439 000	22 851 000		121 950	182 925	975 600		21 570 525	
2	Vũ Khanh Huyền	4,34	7 812 000			0,30	540 000	900 000				-	5 846 400		2 505 600	23%	1 920 960	19 524 960		102 730	154 094	821 837		18 446 299	
3	Lò Văn Chung	3,36	9 648 000			0,20	360 000	900 000				-	7 005 600		3 002 400	27%	2 702 160	23 618 160		127 102	190 652	1 016 813		22 283 593	
4	Lương Thị Hạnh	4,68	8 424 000				-	900 000					5 896 800		2 527 200	23%	1 937 520	19 685 520		103 615	155 423	828 922		18 597 560	
5	Nguyễn Duy Thủy	4,34	7 812 000				-	900 000				-	5 468 400		2 343 600	24%	1 874 880	18 398 880		96 869	145 303	774 950		17 381 758	
6	Lò Văn Phong	4,00	7 200 000				-	900 000					5 040 000		2 160 000	20%	1 440 000	16 740 000		86 400	129 600	691 200		15 832 800	
7	Lò Văn Dương	4,00	7 200 000				-	900 000					5 040 000		2 160 000	13%	936 000	16 236 000		81 360	122 040	650 880		15 381 720	
8	Trần Thị Hải	3,26	5 868 000				-	900 000				-	4 107 600		1 760 400	13%	762 840	13 398 840		66 308	99 463	530 467		12 702 602	
9	Lò Văn Hùng	3,34	6 012 000			0,15	270 000	900 000				-	4 397 400		1 884 600	11%	691 020	14 135 020		69 730	104 595	557 842		13 422 853	
10	Nguyễn Thị Khanh	4,89	8 802 000				-	900 000			0,29	528 120	6 531 084		2 799 036	32%	2 985 638	27 210 938		123 158	184 736	985 261	258 975	25 638 809	
11	Lò Thị Nhung	4,58	8 244 000				-	900 000				-	5 770 800		2 473 200	25%	2 061 000	19 449 000		103 050	154 575	824 400		18 366 975	
12	Nguyễn T. Nhuận	4,68	8 424 000				-	900 000				-	5 896 800		2 527 200	23%	1 937 520	19 685 520		103 615	155 423	828 922	3 840 728	14 756 832	
13	Trần Thị Loan	3,66	6 588 000				-	900 000					4 611 600		1 976 400	12%	790 560	14 866 560		73 786	110 678	590 285		14 091 811	
14	Quảng Văn Tân	3,66	6 588 000				-	900 000					4 611 600		1 976 400	12%	790 560	14 866 560		73 786	110 678	590 285	3 249 000	10 842 811	
15	Lương Thị Hiền	3,33	5 994 000			0,15	270 000	900 000				-	4 384 800		1 879 200	11%	689 040	17 249 040		69 530	104 296	556 243		16 518 971	
16	Đỗ Quý Bộ	3,33	5 994 000				-	900 000				-	4 195 800		1 798 200	13%	779 220	13 667 220		67 732	101 598	541 858		12 956 032	
17	Lò T. Thu Hiền	3,34	6 012 000				-	900 000	0,20	360 000			4 208 400		1 803 600	11%	661 320	13 945 320		66 733	100 100	533 866		13 244 621	
18	Vũ Thị Chi	3,33	5 994 000				-	900 000		0		-	4 195 800		1 798 200	9%	539 460	13 427 460		65 335	98 002	522 677		12 741 447	
19	Quảng Thị Hương	2,34	4 212 000			0,2	360 000	900 000					3 200 400		1 371 600	6%	274 320	10 318 320		48 463	72 695	387 706		9 809 456	
20	Quảng Thị Chinh		-				-						-		0			-		0				0	
21	Lò Thị Hương	2,34	4 212 000				-	900 000		0		-	2 948 400	#	1 263 600			9 324 000		42 120	63 180	336 960	2 948 400	5 933 340	
Cộng		77,82	140 076 000			1,4	2 520 000	18 000 000	0,20	360 000	0,3	528 120	100 186 884	#	42 937 236	333%	26 213 018	338 618 318	0	1 693 371	2 540 057	13 546 971	10 297 103	310 540 816	
22	Lò Văn Quyết		-	2,04	3 039 600			745 000							911 880			5 441 480		54 415	81 622	435 318		4 870 125	
Tổng cộng		77,82	140 076 000	2,04	10 836 660	1,4	2 520 000	18 745 000	0,20	360 000	0,3	528 120	100 186 884	#	43 849 116	333%	26 213 018	344 059 798	0	1 747 786	2 621 679	13 982 289	10 297 103	315 410 940	

Quảng Thị Chinh Hương thai sản từ ngày 01/09/2024 đến hết ngày 28/02/2025

Truy thu lại 70% ưu đãi chi trả ở tháng 6/2024

Truy thu 50% dạy lớp ghép của Quảng Văn Tân chi trả ở tháng 11/2024 số tiền: 3.294.000đ Truy thu lại lương của Nguyễn Thị nhuận do nhầm hệ số 4,68 = 5,02 số tiền: 3.840.728 đ

KẾ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG

Mac Thị Sâm



Mac Thị Sâm

ĂM 2024

ng lương	Các khoản thu			Tổng
	1% BHYT	1,5% BHTN	8%BHXH	
300.680	106.067	159.100	848.534	18.186
2.902.040	318.200	477.301	2.545.603	54.56
0.659.320	113.533	170.300	908.266	19.467
977.960	340.600	510.899	2.724.797	58.401
0.075.920	22.399	33.599	179.194	3.840

HIỆU TRƯỞNG



Mac Thị Sâm

BẢNG THANH TOÁN PHỤ CẤP LÂU NĂM ĐỔI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
CÔNG TÁC Ở VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KT-XH ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN (THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2010/NĐ - CP)

THÁNG 12/2024

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm điều động tiếp nhận công tác tại vùng đặc biệt KK	Thời gian tính hưởng phụ cấp lâu năm tăng dần	Thời gian tính hưởng phụ cấp lâu năm tăng dần	Hệ số PC được hưởng	Lương tối thiểu	Tổng cộng	Số tháng hưởng	Số tiền	Ghi chú
1	Mạc Thị Sâm		17 năm 11 tháng	18 năm 0 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
2	Vũ Khánh Huyền		10 năm 0 tháng	10 năm 01 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
3	Lò Văn Chung		20 năm 02 tháng	20 năm 03 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
4	Lường Thị Hạnh		15 năm 03 tháng	15 năm 04 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
5	Nguyễn Duy Thuy		24 năm 11 tháng	25 năm 0 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
6	Lò Văn Phong		19 năm 02 tháng	19 năm 03 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
7	Lò Văn Dương		15 năm 01 tháng	15 năm 02 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
8	Trần Thị Hải		13 năm 7 tháng	13 năm 8 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
9	Lò Văn Hùng		12 năm 7 tháng	12 năm 8 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
10	Nguyễn Thị Khánh		7 năm 01 tháng	7 năm 02 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
11	Lò Thị Nhung		7 năm 01 tháng	7 năm 02 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
12	Nguyễn Thị Nhuận		6 năm 10 tháng	6 năm 11 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
13	Trần Thị Loan		10 năm 0 tháng	10 năm 01 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
14	Quảng Văn Tân		13 năm 02 tháng	13 năm 03 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
15	Lường Thị Hiền		12 năm 04 tháng	12 năm 05 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
16	Đỗ Quý Bộ		10 năm 7 tháng	10 năm 8 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
17	Lò Thị Thu Hiền		10 năm 7 tháng	10 năm 8 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
18	Vi Thị Chi		9 năm 0 tháng	9 năm 01 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
19	Quảng Thị Hương		7 năm 01 tháng	7 năm 02 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
20	Quảng Thị Chinh		5 năm 6,5 tháng							Thái sản
21	Lò Thị Hương		5 năm 3,5 tháng	5 năm 4,5 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
	Cộng				15	36.000.000	26.820.000	20	26.820.000	

Kế toán

Hiệu trưởng



